

Bản án số: 09/2025/LĐ-PT

Ngày 25-8-2025

V/v “Tranh chấp xử lý kỷ luật
lao động theo hình thức sa thải”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên

Trong các ngày 19, 25 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 01/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS -ST ngày 29-9-2024 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là Toà án nhân dân khu vực A - Đồng Nai bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2025/QĐXXPT-LĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1989 “có mặt”

Nơi cư trú: Tổ A, ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay xã Đ, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH E (Việt Nam)**

Trụ sở: Lô A2,1, Khu công nghiệp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là Khu công nghiệp N, xã Đ, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông **So M**, chức vụ: Giám đốc “có mặt”

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Tân H1**, sinh năm 1989 “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 15/4/2023 giữa nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) có thoả thuận và ký kết Hợp đồng lao động số 23EL0009/HĐLĐ

có thời hạn 12 tháng từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/4/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ngày 17/8/2023 nguyên đơn được bị đơn thông báo sa thải. Ngay sau đó ngày 18 tháng 8 năm 2023, bị đơn ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động số: 01082023/QĐELONG quyết định áp dụng hình thức kỷ luật sa thải đối với nguyên đơn với lý do “*đã có những hành vi quấy rối, gây mất trật tự trong công ty. Giám đốc công ty cùng cấp trên đã có nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Trần Thị H vẫn cố ý thực hiện những hành vi trên*”. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng việc bị đơn quyết định sa thải nguyên đơn là trái pháp luật do nguyên đơn thực tế không có những hành vi như bị đơn đã cáo buộc nên nguyên đơn tiến hành khởi kiện đối với bị đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cụ thể các khoản như sau: (1) Tiền lương hàng tháng với mức lương 8.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024 là 07 tháng 24 ngày, thành tiền là 63.384.000 đồng; (2) Bảo hiểm xã hội mà bị đơn phải chi trả là 4.600.000 đồng (lương cơ bản) x 17%/tháng, thành tiền là 5.474.000 đồng; (3) Bảo hiểm thất nghiệp theo lương cơ bản là 4.600.000 đồng x 1%/tháng x 07 tháng, thành tiền là 322.000 đồng; (4) Bảo hiểm y tế theo lương cơ bản là 4.600.000 đồng x 3%/tháng x 7 tháng, thành tiền là 966.000 đồng; (5) Thiệt hại do bị đơn tự ý đương phương chấm dứt hợp đồng lao động đền hợp đồng 2 tháng theo lương cơ bản, mỗi tháng 8.000.000 đồng, thành tiền là 16.000.000 đồng; (6) Chi trả phép năm là 12 ngày của lương cơ bản theo Hợp đồng là 4.600.000 đồng, thành tiền là 2.123.000đồng; (7) Chi phí đi lại tổng cộng là 1.980.000 đồng nhưng sau đó nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này. Như vậy, tổng cộng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn với tổng số tiền là 88.269.000 đồng.

Về phía bị đơn thừa nhận việc ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải nêu trên đối với nguyên đơn là trái pháp luật nhưng bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chỉ chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn với tổng số tiền là 32.731.000 đồng theo Biên bản đối thoại giữa hai bên ngày 11/01/2024 của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh B, nay là tỉnh Đồng Nai.

Tại Bản án số 01/2024/LĐ-ST ngày 29-9-2024 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là Toà án nhân dân A - Đồng Nai quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Xác định Thông báo sa thải ngày 17/8/2023 của Công ty TNHH E với bà Trần Thị H là trái pháp luật.

Hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H và Công ty TNHH E chấm dứt từ ngày 18/8/2023.

Buộc Công ty TNHH E chi trả và bồi thường cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 88.269.000 đồng, bao gồm:

+ *Bồi thường tiền lương hàng tháng với mức lương 8.000.000 đồng/tháng từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024 là 07 tháng 24 ngày, cụ thể: 07 tháng 24 ngày x 8.000.000 đồng = 63.384.000 đồng;*

+ *Bồi thường BHXH, cụ thể: 4.600.000 đồng (lương cơ bản) x 17%/tháng = 782.000 đồng, cụ thể: 782.000 đồng x 7 tháng = 5.474.000 đồng.*

+ *Bồi thường Bảo hiểm thất nghiệp: Lương cơ bản 4.600.000 đồng x 1%/tháng = 46.000 đồng; cụ thể: 4.600 đồng x 07 tháng = 322.000 đồng.*

+ *Thanh toán Bảo hiểm y tế: Lương cơ bản 4.600.000 đồng x 3%/tháng = 138.000 đồng; cụ thể: (138.000 đồng x 7 tháng = 966.000 đồng).*

+ *Bồi thường thiệt hại do Công ty tự ý đương phương chấm dứt hợp đồng lao động) đền hợp đồng 2 tháng lương cơ bản là 8.000.000 đồng x 2 tháng = 16.000.000 đồng.*

+ *Bồi thường chi trả phép năm: tổng lương cơ bản là 4.600.000 đồng: 26 ngày công = 177.000 đồng; cụ thể: 177.000 đồng x 12 ngày = 2.123.000 đồng.*

2. Công ty TNHH E có trách nhiệm đóng tiền BHXH, BHYT phần nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024. Công ty TNHH E có nghĩa vụ chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà H theo quy định của Luật bảo hiểm.

Bà Trần Thị H có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT phần nghĩa vụ của người lao động tính từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu Công ty TNHH E phải nhận bà H trở lại làm việc.

4. Căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ yêu cầu về bồi thường chi phí đi lại tổng cộng 1.980.000 đồng do bà H tự nguyện rút yêu cầu.”

Ngoài ra, còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau đó, ngày 05 tháng 11 năm 2024, bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn với tổng số tiền là 32.731.000 đồng theo Biên bản đối thoại giữa hai bên ngày 11/01/2024 của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh B, nay là tỉnh Đồng Nai; và yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại do Tòa án cấp sơ thẩm chưa hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động ngày 18/8/2023 của bị đơn đối với nguyên đơn nên chưa phát sinh vấn đề bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của bị đơn theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm “Xác định Thông báo sa thải ngày 17/8/2023 của Công ty TNHH E chấm dứt từ ngày 18/8/2023 với bà Trần Thị H là trái pháp luật” là có căn cứ; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết chưa hướng dẫn nguyên đơn yêu cầu huỷ Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01082023/QĐELONG ngày 18 tháng 8 năm 2023 của bị đơn và khi quyết định cũng chưa huỷ Quyết định này là có thiếu sót. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã tự nguyện không yêu cầu bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc nên thiếu sót này có thể khắc phục, bổ sung được nên không cần thiết phải huỷ án để giải quyết lại. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp*” là chưa chính xác nên cần phải xác định lại cho đúng quy định của pháp luật, bởi vì quan hệ pháp luật ở đây không phải đơn thuần là bồi thường thiệt hại theo dân sự mà là tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải theo điểm a khoản 1 Điều 188 của Bộ luật lao động năm 2019. Như vậy, xét thấy việc thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến toàn bộ nội dung sự việc tranh chấp và Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung được vấn đề thiếu sót này cho Tòa án cấp sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty E được chấp nhận một phần, sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Theo các yêu cầu của nguyên đơn bao gồm cụ thể 06 khoản với tổng số tiền 88.269.000 đồng thể hiện ở phần Nội dung vụ án nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận, xử buộc bị đơn Công ty TNHH E bồi thường cho bà Trần Thị H với tổng số tiền các khoản là 88.269.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo về phần này của bị đơn không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam),
Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2024/ST-LĐ ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là Tòa án nhân dân A – Đồng Nai.

2. Căn cứ các điều 13, 38, 39, 41, 42; 45; 46, 47, điểm a khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động năm 2019; các điều 2, 19, 21 của Luật Bảo hiểm xã

hội năm 2014; các điều 12, 13 của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; các điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H;

Hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động số 01082023/QĐELONG ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH E (Việt Nam) đối với bà Trần Thị H;

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc không yêu cầu bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc;

Buộc bị đơn Công ty TNHH E bồi thường cho bà Trần Thị H tổng số tiền các khoản là 88.269.000 đồng;

Buộc bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phần thuộc nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế tính từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024. Bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) có nghĩa vụ chốt Sổ bảo hiểm xã hội và trả Sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn bà Trần Thị H theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Nguyên đơn bà Trần Thị H có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phần nghĩa vụ của người lao động tính từ ngày 18/8/2023 đến ngày 14/4/2024 theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H được miễn nộp án phí. Buộc bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) phải nộp 2.584.000 đồng.

4.2. Về án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) không phải nộp, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000295 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là Phòng Thi hành án Dân sự A - Đồng Nai.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS A - Đồng Nai.
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- TAND A - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân